

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST

Ngày: 09-06- 2020

“V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

2. Bà Phan Hoàng Mai.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 07 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số: 19/2020/TB-TA ngày 12/05/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn LT(có mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: số 23 đường HHH, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Thòn - Chức vụ : Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn LT(Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600192619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh AG cấp lần đầu ngày 27/9/2004).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Đăng S- Chức vụ : Nhân viên pháp lý Công ty Cổ phần Tập đoàn LT(Theo giấy ủy quyền số 91/UQ.TĐLT ngày 15/11/2017 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn LT).

Địa chỉ liên lạc: số 23 đường HHH, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (vắng mặt).

Địa chỉ: X 11, xã CL, huyện LN, tỉnh HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 07 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn LTdo ông Huỳnh Đăng S đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần Tập đoàn LTtrước đây là Công ty Bảo vệ thực vật AG, đăng ký doanh nghiệp số 1600192619, do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh AG cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm

2004 (viết tắt là Công ty LT) ký hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật số 012/NV15-16/HĐMB.TĐLT.CNHN với ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T thống nhất thỏa thuận như sau: Công ty LT bán sản phẩm, hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục liệt kê gồm các loại thuốc bảo vệ thực vật như Actara, Amistar, Angun, Butan, Chess, Diazan,... giá cả theo bảng thông báo giá của Tập đoàn LT tại từng thời điểm nhận hàng. Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận thống nhất bên mua hàng gửi đơn đặt hàng cho Công ty trước ba ngày. Công ty giao hàng cho ông T tại điểm kho của bên mua bằng phương tiện vận chuyển của công ty. Trong trường hợp nếu nhận hàng mà kho của bên mua không thuận tiện cho xe vận chuyển sản phẩm thì bên mua phải tự lo phương tiện nhận sản phẩm tại kho của Tập đoàn LT.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã giao nhận hàng hóa kèm theo chứng từ mua bán cho ông T. Tuy nhiên, tính đến tháng 4/2016 ông T không thực hiện đủ nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Do vậy, vào ngày 30/04/2016 hai bên thống nhất lập biên bản ghi nhận hàng hóa, công nợ nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty nên khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn lại chưa thanh toán là 4.565.176.319đ. Riêng ý kiến trình bày của ông T đã cung cấp cho Tòa án, về phía công ty không đồng ý.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày và có ý kiến theo đơn đề nghị ngày 10/09/2019 như sau: Gia đình ông T cùng đồng hành, hợp tác, kinh doanh với Công ty Bảo vệ thực vật AG, đã làm việc trực tiếp với các ông Phan Thanh N – Giám đốc Chi nhánh HN, ông Bùi Tiến Q-Trưởng phòng kinh doanh chi nhánh HN. Trong thời gian hợp tác mua bán các sản phẩm hàng hóa là các loại thuốc bảo vệ thực vật (viết tắt là thuốc BVTV), sản phẩm của hãng Sygenta gồm: Actara, Vitaco, Tinspe, Ammi, Statop, Chess,... và sản phẩm do Công ty Cổ phần Tập đoàn LT sản xuất gồm: Angun, Ankuu, Validan, Butan, Diaran,...

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty lên hóa đơn giá rất cao so với giá bán ngoài thị trường gồm các mặt hàng Sygenta có chiết khấu từ 9%-11%; Công ty sản xuất có chiết khấu từ 15% đến 17%, nhưng đến khi chi trả chiết khấu quá thấp so với giá bán ra ngoài thị trường. Vì vậy, gia đình ông T bị lỗ rất nhiều, nên khi chi trả chiết khấu không cụ thể, không rõ ràng và kiến nghị với Chi nhánh HN rất nhiều lần nhưng không được giải quyết. Đến năm 2015 Công ty đổi tên thành tập đoàn LT, về cơ chế chính sách bán hàng đã thay đổi, nhân viên công ty làm việc trực tiếp với khách hàng cấp hai của ông T, từ đó phát hiện trong thời gian hợp tác kinh doanh phía gia đình ông T đạt được những gì nên quyết định ngừng hợp tác và trả lại toàn bộ hàng hóa đồng thời đề nghị Chi nhánh tại HN làm rõ những vấn đề còn vướng mắc.

Ông T xác định đã xác nhận và có đề nghị giải quyết trong các biên bản cam kết vào các ngày 29/07/2016, 23/09/2017, 03/11/2017 đồng thời yêu cầu được làm việc với lãnh đạo của Tổng công ty và Chi nhánh HN những vấn đề còn tồn tại cụ thể về chi trả tiền chiết khấu theo các hóa đơn từ năm 2009 đến 2013, chi trả tiền chiết khấu năm 2014-2015, tiền không đi du lịch cấp 2, tiền hoàn thành chương trình hàng Sygenta ba năm ký một lần (riêng ông T đã thực hiện được 6 năm), tiền chênh lệch giá theo bán giá và phụ lục hợp đồng, tiền phạt của đại lý, hàng bom hết hạn do cán bộ Công ty đi gửi hợp tác xã, hàng chess 7,5 gam lên hóa đơn thu về không trả và đề nghị cần làm rõ các vấn đề chưa được giải quyết giữa công ty và ông T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn do ông Huỳnh Đăng S đại diện theo ủy quyền không thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T, yêu cầu trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lãi chưa thanh toán là 4.565.176.319đ. Do ông T đã ký xác nhận công nợ

với công ty nhưng chưa thực hiện thanh toán số tiền nợ cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông T là không đúng thực tế cụ thể như sau:

Đối với tiền chiết khấu theo từng hóa đơn từ năm 2009 đến năm 2013 công ty không có chính sách chiết khấu cho từng hóa đơn mà chỉ có chính sách cho từng vụ Đông Xuân hay Hè thu hoặc theo từng mặt hàng và các khoản ông T đã hưởng các chính sách theo quy định của công ty, phía ông T là đại lý cấp 1 nên công ty không xét chấp nhận đi du lịch cho đại lý cấp 2 như ông T đã trình bày.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho các đương sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Công ty Cổ phần tập đoàn LTủy quyền cho ông Huỳnh Đăng S- Theo giấy ủy quyền số 91/UQ-TĐLT ngày 15/11/2017 của Tổng giám đốc Công ty phù hợp quy định tại các điều 562, 563 Bộ Luật dân sự 2015, việc ủy quyền đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Công ty LT, ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T tranh chấp về số tiền bị đơn phải thanh toán theo hợp đồng. Xét sự thỏa thuận của các bên được thể hiện theo Điều 9 Hợp đồng số 012, ngày 15/10/2015 Công ty LT và ông Nguyễn Văn T thỏa thuận thống nhất khi phát sinh tranh chấp Công ty có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các bên. Do đó, Công ty LT yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và xét quan hệ tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh, có phát sinh lợi nhuận nên quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là phù hợp quy định tại điều 24 Luật thương mại năm 2005.

[4] Về nội dung vụ án:

Năm 2015 Công ty LT ký hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật số 012/NV15-16/HĐMB.TĐMB.CNHN ngày 15/10/2015 với ông Nguyễn Văn T chủ cửa hàng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật Nguyễn Văn T. Theo thỏa thuận phía Công ty bán cho ông T là các sản phẩm, hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được liệt kê theo phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng mua bán, về số lượng theo kế hoạch đăng ký đầu vụ, về giá cả theo bảng thông báo giá của Tập đoàn LT tại từng thời điểm nhận hàng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng các bên thỏa thuận thống nhất chấm dứt hợp đồng mua bán và tiến hành thủ tục kiểm kê, giao trả hàng hóa và thanh toán tiền theo thỏa thuận tại các văn bản thỏa thuận về việc ngưng giao dịch hàng hóa để thanh toán công nợ số 01.TT.CNHN ngày 30/04/2016.

[5] Xét các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự sau khi thỏa thuận chấm dứt ngưng cung cấp hàng hóa và tiến hành đối chiếu công nợ thể hiện tại các văn bản. Trong đó, theo thỏa thuận ngày 30/04/2016 Công ty LT và ông T thỏa thuận ngưng giao - lấy hàng hóa để thanh toán công nợ phát sinh theo hợp đồng mua bán, thời gian thực hiện ngưng từ ngày 01/05/2016 (ông T ký biên bản ngày 29/07/2016) cho đến khi ông T thanh toán khoản tiền. Theo văn bản cam kết thanh toán ngày 01/05/2016 do ông Nguyễn Văn T ký xác nhận

ngày 29/07/2016 ông T xác nhận công nhận còn nợ Công ty Cổ phần tập đoàn LT– Chi nhánh Bảo vệ Thực vật AG tại HN tính đến ngày 30/04/2016 là 8.091.970.879đ. Trong đó, công nợ gốc 8.091.970.879đ và cam kết thanh toán theo các lần và thời gian cụ thể: Lần 1 thanh toán 1.000.000.000đ từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/05/2016; lần 2 thanh toán 1.000.000.000đ từ ngày 01/06/2016 đến ngày 30/06/2016, lần 3 thanh toán 2.000.000.000đ từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/07/2016, đến lần 10 số tiền còn nợ lại là 4.091.970.879đ và theo ông T cam kết thanh toán số tiền 3.000.000.000đ, giai đoạn 1 từ ngày 01/08/2016 đến ngày 31/12/2016 thanh toán số tiền 900.000.000đ, giai đoạn 2 sẽ trả số tiền còn lại và đề nghị Công ty LT phải làm rõ tiền chiết khấu cụ thể của từng năm 2009 đến 2015, chi trả chiết khấu 3 năm theo chương trình, số tiền phạt đại lý và sau khi mọi việc được làm cụ thể, rõ ràng đại lý sẽ cam kết trả nợ tiếp. Cùng ngày 01/05/2016 ông T cam kết thanh toán cho Công ty LT số tiền 1.000.000.000đ từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/05/2016.

[5.1] Đến ngày 02/06/2016 Công ty LT và ông T bàn bạc thống nhất thu hồi các mặt hàng, lượng hàng, đơn giá và tổng giá trị thu hồi trong các hóa đơn được liệt kê, giá trị thu hồi được tính thành tiền là 1.676.794.560đ. Phía ông T trả lại hóa đơn bán hàng thể hiện có những mặt hàng thu hồi trả lại cho Công ty LT và cản trừ công nợ theo đúng giá trị thu hồi, phần công nợ còn lại và các khoản phải thanh toán còn lại sau khi cản trừ giá trị hàng của ông T sẽ phải thanh toán cho Công ty theo thỏa thuận. Do vậy, số tiền công nợ gốc 8.091.970.879đ – 1.676.794.560đ = 6.415.176.319đ. Sau đó, hai bên tiếp tục xác nhận công nợ vào các ngày như sau:

Ngày 14/09/2016 Công ty LT và ông T thống nhất ký giấy xác nhận công nợ với tổng số tiền ông T còn nợ lại 5.625.176.319đ.

Ngày 07/02/2017 Công ty LT và ông T thống nhất ký giấy xác nhận công nợ với tổng số tiền ông T còn nợ lại 5.265.176.319đ.

Ngày 06/03/2017 Công ty LT và ông T thống nhất ký giấy xác nhận công nợ với tổng số tiền ông T còn nợ lại 5.155.176.319đ.

Ngày 02/08/2017 Công ty LT và ông T thống nhất ký giấy xác nhận công nợ với tổng số tiền ông T còn nợ lại 4.915.176.319đ.

Ngày 03/11/2017 Công ty LT và ông T thống nhất ký giấy xác nhận công nợ với tổng số tiền ông T còn nợ lại 4.765.176.319đ.

Ngày 09/01/2018 Công ty LT và ông T thống nhất ký giấy xác nhận công nợ với tổng số tiền ông T còn nợ lại 4.565.176.319đ.

[5.2] Xét, lời trình bày của bị đơn cung cấp thể hiện tại văn bản cam kết thanh toán ngày 01/05/2016, ông T ký ngày 29/07/2016, cam kết thanh toán ngày 23/09/2017 và giấy xác nhận công nợ ngày 03/11/2017. Số dư nợ cuối kỳ 4.765.176.319đ, theo trình bày của ông T phù hợp lời khai của nguyên đơn đã xác nhận và đề nghị giải quyết trong các bên bản cam kết vào các ngày 30/04/2016, 01/05/2016 (29/07/2016), 02/06/2016, 14/09/2016, 07/02/2017, 06/03/2017, 02/08/2017, 03/11/2018 và 09/01/2018. Vậy, hai bên Công ty và ông T đã xác định số tiền còn nợ lại phải thanh toán cho Công ty LT. Trong thời gian tranh chấp, nguyên đơn thừa nhận bị đơn chỉ còn nợ lại số tiền 4.565.176.319đ. Nay, Công ty LT yêu cầu ông T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T trả số tiền 4.565.176.319đ. Xét, ông T xác nhận công nợ với Công ty LT nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm điều 4 của Hợp đồng số 012/NV15-16/HĐMB.TĐLT.CNHN ngày 15/10/2015. Do đó, Công ty LT yêu cầu ông T trả số tiền 4.565.176.319đ là phù hợp điều 50 luật thương mại 2005 nên có căn cứ chấp nhận.

[5.3] Theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn cho rằng Công ty LT chưa giải quyết những vấn đề còn tồn tại về chi trả tiền chiết khấu, tiền không đi du lịch cấp 2, tiền hoàn thành

chương trình hàng Sygenta ba năm ký một lần, tiền chênh lệch giá theo bản giá và phụ lục hợp đồng, tiền phạt của đại lý, hàng bom hết hạn, hàng chess 7,5 gam lên hóa đơn thu về không trả đồng thời đề nghị cần làm rõ các vấn đề chưa được giải quyết nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và yêu cầu của ông không được Công ty LT thừa nhận nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền 84.259.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004573 ngày 04/07/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng:

Căn cứ vào các điều 24, 50 Luật thương mại;

Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39, các điều 40, 147, điều 179, điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; các điều 233, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn LT đối với ông Nguyễn Văn T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn LT số tiền 4.565.176.319đ (bốn tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn, ba trăm mười chín đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn LT được nhận lại 84.259.000đ (tám mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004573 ngày 04/07/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG.

Ông Nguyễn Văn T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T phải chịu nộp án phí số tiền 112.565.176đ (một trăm mười hai triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm bảy mươi sáu đồng).

Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Tập đoàn LT có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương